

Số: 538/TTr-UBND

An Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2020

TỜ TRÌNH

**VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B
SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH	Ngày: 31/8/20...
	Số: 3740
	Chuyển: CV
	Lưu Hồ Sơ: CV UBND

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020,

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 17, khoản 2 Điều 27 Luật Đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công, cụ thể như sau:

I. Về nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021 tại kỳ họp thứ 16:

Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là **392.687 triệu đồng** từ nguồn vốn ngân sách trung ương là 275.112 triệu đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh là 117.575 triệu đồng, cụ thể:

(1) Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh Vĩnh Tế thuộc Hệ thống thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên thích ứng với biến đổi khí hậu: Điều chỉnh chiều dài tuyến kênh: 45,935km; phát sinh đào kênh dẫn dòng để phục vụ thi công nạo vét kênh chính

là 2.107m. Tổng mức đầu tư vẫn giữ nguyên là 200.000 triệu đồng; nguồn vốn vẫn giữ nguyên là ngân sách trung ương 157.000 triệu đồng và ngân sách tỉnh 43.000 triệu đồng. Điều chỉnh thời gian thực hiện đến năm 2021.

Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh, bổ sung quy mô dự án để phù hợp với nhu cầu thực tế; đồng thời điều chỉnh thời gian thực hiện để đảm bảo đủ thời gian thực hiện dự án.

(2) Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Núi Cấm: Điều chỉnh, bổ sung quy mô và các giải pháp kỹ thuật: Duy tu đường trục chính là 7.929m, mái taluy hồ Thủy Liêm là 714,12m, các tuyến đường nhánh là 3.573m; chống sạt lở đá trên tuyến chính; hệ thống thoát nước, cây xanh, chiếu sáng; hệ thống cảnh quan; điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư dự án từ 150.000 triệu đồng thành 79.474 triệu đồng (giảm 70.526 triệu đồng), trong đó nguồn vốn ngân sách trung ương là 78.974 triệu đồng và nguồn vốn ngân sách tỉnh là 500 triệu đồng. Điều chỉnh thời gian thực hiện đến năm 2021.

Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh quy mô dự án, tổng mức đầu tư cho phù hợp với nhu cầu phát triển Khu du lịch Núi Cấm; đồng thời điều chỉnh thời gian thực hiện để đảm bảo đủ thời gian thực hiện dự án.

(3) Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh An Giang: Điều chỉnh, bổ sung quy mô và các giải pháp kỹ thuật. Tổng mức đầu tư, nguồn vốn và thời gian thực hiện dự án vẫn giữ nguyên.

Nguyên nhân điều chỉnh: Điều chỉnh, bổ sung quy mô dự án để phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế của đơn vị, đồng thời làm tăng hiệu quả đầu tư dự án.

Quy trình thực hiện các dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

II. Về thông tin mỗi dự án bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án;
2. Chủ đầu tư;
3. Địa điểm đầu tư;
4. Mục tiêu đầu tư;
5. Phạm vi;
6. Quy mô đầu tư;
7. Tổng mức đầu tư;
8. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
9. Thời gian thực hiện;
10. Tiến độ thực hiện;

11. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí;

12. Cơ chế và giải pháp;

13. Chính sách thực hiện.

** Tờ trình này thay thế Tờ trình số 527/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- TT, TU, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P. KTN, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Nung

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B
(Đính kèm Tờ trình số: 538 TTr-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư					Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện	
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)					Tổng mức đầu tư	Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						
																										17
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
TỔNG CỘNG							463.213	296.138	167.075	0	0					392.687	275.112	117.575	0	0						
							200.000	157.000	43.000	0	0					200.000	157.000	43.000	0	0						
I Nông nghiệp																										
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh Vĩnh Tế thuộc Hệ thống thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên thích ứng với biến đổi khí hậu	Châu Đốc, Tỉnh Biên, Trì Tôn	Ban QLDA ĐTXD Công trình Nông nghiệp và PTNN	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	46km kênh, 11 bê tông để tập kết đất neo vét	Nhằm phát triển giao thông vận tải đường thủy, đồng bộ và cơ sở hạ tầng, có khả năng liên kết thuận lợi các phương thức vận tải, đảm bảo thông suốt từ nông thôn đến thành thị, với các tỉnh thành phố khác trong khu vực và quốc tế phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	200.000	157.000	43.000	0	0	2016-2020	05 năm		Chiều dài tuyến kênh: 45,935km; đào kênh dẫn dòng để phục vụ thi công neo vét kênh chính 2.107m	Nhằm tạo ra hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tỉnh hình mới, từng bước thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững	200.000	157.000	43.000	0	0	Đến năm 2021	06 năm	Giai đoạn 2016 - 2020 ngân sách trung ương bố trí 45.913 triệu đồng, ngân sách tỉnh bố trí 20.568 triệu đồng; phần còn lại bố trí năm	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện	Luật Đầu tư công
							150.000	100.000	50.000	0	0					79.474	78.974	500	0	0						
II Du lịch																										
1	Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Núi Cấm	Tỉnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	7.000m đường trục chính - 800m kẻ - 4.500m đường nhánh	Nhằm đảm bảo an ninh trật tự và tăng thêm vẻ mỹ quan cho khu du lịch, góp phần thu hút khách du lịch đến tham quan và phát triển kinh tế xã hội địa phương	150.000	100.000	50.000	0	0	Hết năm 2020	05 năm		7.929m đường trục chính - 714,12m mái taluy hồ Thủy Liêm + 3.573m đường nhánh; chống sạt lở đá trên tuyến chính; hệ thống thoát nước, cây xanh, chiếu sáng; hệ thống cảnh quan	Đầu tư xây dựng hoàn thiện đường từ trục chính đến Khu du lịch Núi Cấm, nhằm đưa khách du lịch đến tham quan tại vị trí trung tâm khu du lịch (Tượng Phật Di Lặc), tạo điều kiện cho việc phát triển bền vững Khu du lịch Núi Cấm, tạo đồng lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển nông nghiệp kết hợp với du lịch và du lịch mại	79.474	78.974	500	0	0	Đến năm 2021	06 năm	Giai đoạn 2016 - 2020 ngân sách trung ương bố trí 26.440 triệu đồng, ngân sách tỉnh bố trí 500 triệu đồng; phần còn lại bố trí năm 2021.	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện	Luật Đầu tư công
							113.213	39.138	74.075	0	0					113.213	39.138	74.075	0	0						
III Quản lý nhà nước																										
1	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh An Giang	LX	Sở Nội vụ	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Khởi nhà chính gồm: 09 tầng + công trình phụ trợ + thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu thu thập, xử lý, cung cấp, khai thác các nguồn tài nguyên lưu trữ của tỉnh cũng như cung cấp nhiều tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, nhu cầu công tác và tham khảo	113.213	39.138	74.075	0	0	2016-2020	05 năm		Diện tích sử dụng đất 1.726m ² ; Tổng diện tích sàn xây dựng 5.810m ² (11 tầng), hạ tầng kỹ thuật	Bổ sung trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu công năng và phát huy vai trò của Lưu trữ lịch sử tỉnh	113.213	39.138	74.075	0	0	Đến hết 2020	05 năm	2016-2020	Ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện	Luật Đầu tư công

Số: /NQ-HĐND

Long Xuyên, ngày tháng 9 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016-2021, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;
Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là 392.687 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày tháng 9 năm 2020./.

CHỦ TỊCH**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư										
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư					Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư					Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Vốn NS TW hỗ trợ						Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)				
TỔNG CỘNG																								
							463.213	296.138	167.075	0	0					392.687	275.112	117.575	0	0				
I	Nông nghiệp						200.000	157.000	43.000	0	0					200.000	157.000	43.000	0	0				
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh Vĩnh Tế thuộc Hệ thống thủy lợi vùng Tứ giác Long Xuyên thích ứng với biến đổi khí hậu	Châu Đốc, Tịnh Biên, Tri Tôn	Ban QLDA ĐTXD Công trình Nông nghiệp và PTNN	Nghị quyết 24/NQ-HDND ngày 08/12/2017	46km kênh, 11 bê tông để tập kết đất nạo vét	Nhằm phát triển giao thông vận tải đường thủy, đồng bộ cơ sở hạ tầng, có khả năng liên kết thuận lợi các phương thức vận tải, đảm bảo thông suốt từ nông thôn đến thành thị, với các tỉnh thành phố khác trong khu vực và quốc tế phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	200.000	157.000	43.000			2016-2020	05 năm		Chiều dài tuyến kênh: 45,935km; đào kênh dẫn dòng để phục vụ thi công nạo vét kênh chính 2.107m	Nhằm tạo ra hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tình hình mới, từng bước thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững	200.000	157.000	43.000			Đến năm 2021	06 năm	
II	Du lịch						150.000	100.000	50.000	0	0					79.474	78.974	500	0	0				
1	Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Núi Cấm	Tịnh Biên	UBND huyện Tịnh Biên	Nghị quyết 24/NQ-HDND ngày 08/12/2017	7.000m đường trục chính + 800m kết + 4.500m đường nhánh	Nhằm đảm bảo an ninh trật tự và tăng thêm vẻ mỹ quan cho khu du lịch, góp phần thu hút khách du lịch đến tham quan và phát triển kinh tế xã hội địa phương	150.000	100.000	50.000			Hết năm 2020	05 năm		7.929m đường trục chính + 714,12m mái taluy hồ Thủy Liêm + 3.573m đường nhánh; chống sạt lở đá trên tuyến chính; hệ thống thoát nước, cây xanh, chiếu sáng; hệ thống cảnh quan	Đầu tư xây dựng hoàn thiện đường từ trục chính đến Khu du lịch Núi Cấm, nhằm đưa khách du lịch đến tham quan tại vị trí trung tâm khu du lịch (Tương Phát Di Lạc), tạo điều kiện cho việc phát triển bền vững Khu du lịch Núi Cấm, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển nông nghiệp kết hợp với du lịch và thương mại.	79.474	78.974	500			Đến năm 2021	06 năm	
III	Quản lý nhà nước						113.213	39.138	74.075	0	0					113.213	39.138	74.075	0	0				
1	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh An Giang	LX	Sở Nội vụ	Nghị quyết 24/NQ-HDND ngày 08/12/2017	Khối nhà chính gồm: 09 tầng + công trình phụ trợ + thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu thu thập, xử lý, cung cấp, khai thác các nguồn tài nguyên lưu trữ của tỉnh cũng như cung cấp nhiều tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu khoa học, nhu cầu công tác và tham khảo	113.213	39.138	74.075			2016-2020	05 năm		Diện tích sử dụng đất 1.726m ² ; Tổng diện tích sàn xây dựng 5.810m ² (11 tầng), hạ tầng kỹ thuật	Bổ sung trang thiết bị nhằm đáp ứng yêu cầu công năng và phát huy vai trò của Lưu trữ lịch sử tỉnh	113.213	39.138	74.075			đến hết 2020	05 năm	

ĐVT: Triệu đồng